

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>2.002.641.930.293</b>	<b>1.632.242.146.601</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	246.426.775.714	71.646.409.892
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	242.519.883.427	326.625.754.419
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	650.404.624.407	486.437.626.352
IV. Hàng tồn kho	857.761.957.858	739.136.355.910
V. Tài sản ngắn hạn khác	5.528.688.887	8.396.000.028
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>223.632.728.749</b>	<b>172.841.345.781</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.280.487.818	2.167.151.526
II. Tài sản cố định	96.625.986.564	94.436.662.507
1. Tài sản cố định hữu hình	77.820.007.919	87.940.523.560
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	18.805.978.645	6.496.138.947
III. Bất động sản đầu tư	48.127.233.750	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	3.102.891.234	193.780.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	49.168.349.569	48.134.609.114
VI. Tài sản dài hạn khác	24.327.779.814	27.909.142.634
VII. Lợi thế thương mại	16.633.792.101	19.906.013.498
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>2.226.274.659.042</b>	<b>1.805.083.492.382</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.748.887.071.695</b>	<b>1.376.101.070.986</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.746.461.470.792	1.374.609.613.734
II. Nợ dài hạn	2.425.600.903	1.491.457.252
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>477.387.587.347</b>	<b>428.982.421.396</b>
I. <b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>477.387.587.347</b>	<b>428.982.421.396</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	386.202.350.000	341.777.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	5.148.010.000	5.348.010.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	11.174.990.263	9.827.781.376
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	54.671.828.205	52.265.629.264
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	20.190.428.879	19.763.330.756
II. <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>2.226.274.659.042</b>	<b>1.805.083.492.382</b>

## II. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chỉ tiêu	Quý 4 năm nay	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	887.718.321.852	3.327.800.032.966
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.154.369.427	28.514.923.980
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>884.563.952.425</b>	<b>3.299.285.108.986</b>
4. Giá vốn hàng bán	822.811.653.020	2.990.050.324.659
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>61.752.299.405</b>	<b>309.234.784.327</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.263.364.607	20.601.207.181
7. Chi phí tài chính	29.167.989.653	96.440.582.787
- Trong đó: Chi phí lãi vay	25.258.608.250	74.293.412.995
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	144.126.239	1.033.740.455
9. Chi phí bán hàng	27.320.493.332	139.983.846.717
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.660.417.017	48.200.408.716
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>6.010.890.249</b>	<b>46.244.893.743</b>
12. Thu nhập khác	1.274.637.405	1.551.312.117
13. Chi phí khác	3.495.871.853	4.905.737.521
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>(2.221.234.448)</b>	<b>(3.354.425.404)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.789.655.801</b>	<b>42.890.468.339</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.585.083.248	11.698.837.251
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(160.808.217)	(1.590.534.863)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.365.380.770</b>	<b>32.782.165.951</b>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	2.800.676.370	32.355.067.828
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(435.295.600)	427.098.123
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	77	894
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	77	894

Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Kinh Thị Phương*

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Huyền Thương*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.002.641.930.293</b>	<b>1.632.242.146.601</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>246.426.775.714</b>	<b>71.646.409.892</b>
1. Tiền	111		16.426.775.714	21.646.409.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		230.000.000.000	50.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>242.519.883.427</b>	<b>326.625.754.419</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	242.519.883.427	326.625.754.419
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>650.404.624.407</b>	<b>486.437.626.352</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	522.607.565.312	410.181.287.521
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	90.139.772.085	32.794.597.855
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	28.702.947.000	35.096.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	12.920.191.316	13.059.730.141
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.965.851.306)	(4.693.989.165)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>857.761.957.858</b>	<b>739.136.355.910</b>
1. Hàng tồn kho	141		861.186.370.717	743.349.146.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.424.412.859)	(4.212.790.937)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.528.688.887</b>	<b>8.396.000.028</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.739.979.604	3.108.368.785
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.788.709.283	5.245.907.999
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	41.723.244
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>223.632.728.749</b>	<b>172.841.345.781</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.280.487.818</b>	<b>2.167.151.526</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	2.280.487.818	2.167.151.526
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>96.625.986.564</b>	<b>94.436.662.507</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	77.820.007.919	87.940.523.560
<i>Nguyên giá</i>	222		177.384.475.530	179.098.245.872
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(99.564.467.611)	(91.157.722.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	18.805.978.645	6.496.138.947
<i>Nguyên giá</i>	228		21.687.008.519	8.687.008.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.881.029.874)	(2.190.869.572)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12</b>	<b>48.127.233.750</b>	-
<i>Nguyên giá</i>	231		48.127.233.750	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.102.891.234</b>	<b>193.780.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	3.102.891.234	193.780.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.14</b>	<b>49.168.349.569</b>	<b>48.134.609.114</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.168.349.569	28.134.609.114
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	20.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.327.779.814</b>	<b>27.909.142.634</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.397.193.295	4.391.473.182
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.296.794.418	3.611.655.954
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.16	16.633.792.101	19.906.013.498
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.226.274.659.042</b>	<b>1.805.083.492.382</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.748.887.071.695</b>	<b>1.376.101.070.986</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.746.461.470.792</b>	<b>1.374.609.613.734</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	167.083.082.956	182.004.186.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	29.466.016.162	14.778.405.623
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	21.813.474.863	22.949.340.668
4. Phải trả người lao động	314		4.788.042.985	4.284.315.817
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	3.175.388.799	5.188.714.834
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	2.982.592.278	2.902.233.669
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22	1.510.764.440.702	1.137.306.992.519
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	5.084.589.426	3.891.581.609
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	1.303.842.621	1.303.842.621
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.425.600.903</b>	<b>1.491.457.252</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		839.540.050	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.586.060.853	1.491.457.252
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 4 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	887.718.321.852	587.912.710.778	3.327.800.032.966	2.742.903.014.413
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	3.154.369.427	7.359.605.878	28.514.923.980	20.533.806.823
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	884.563.952.425	580.553.104.900	3.299.285.108.986	2.722.369.207.590
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	822.811.653.020	532.293.937.011	2.990.050.324.659	2.437.801.271.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		61.752.299.405	48.259.167.889	309.234.784.327	284.567.936.155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.263.364.607	10.297.220.935	20.601.207.181	29.729.640.117
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.167.989.653	21.192.143.423	96.440.582.787	80.245.734.245
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.258.608.250	18.102.167.941	74.293.412.995	66.485.256.716
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		144.126.239	2.904.073.762	1.033.740.455	229.818.181
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.320.493.332	31.554.929.386	139.983.846.717	158.580.070.619
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.660.417.017	2.924.759.671	48.200.408.716	37.915.793.032
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.010.890.249	5.788.630.106	46.244.893.743	37.785.796.557
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.274.637.405	(2.790.142.403)	1.551.312.117	1.103.401.433
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.495.871.853	390.411.142	4.905.737.521	2.394.840.764
14. Lợi nhuận khác	40		(2.221.234.448)	(3.180.553.545)	(3.354.425.404)	(1.291.439.331)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.789.655.801	2.608.076.561	42.890.468.339	36.494.357.226
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.585.083.248	858.090.131	11.698.837.251	8.693.916.550
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(160.808.217)	(591.619.977)	(1.590.534.863)	(4.024.081)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.365.380.770	2.341.606.407	32.782.165.951	27.804.464.757
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.800.676.370	1.887.879.627	32.355.067.828	27.785.011.819
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(435.295.600)	453.726.780	427.098.123	19.452.938
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	77	52	894	761
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	77	52	894	761

Người lập biểu



Phạm Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		528.332.578.709	740.484.841.961	3.487.869.500.625	2.940.863.061.163
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(355.646.871.185)	(681.496.378.213)	(3.087.407.643.162)	(2.529.260.034.764)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.548.850.484)	(10.351.217.367)	(47.267.463.536)	(43.171.926.154)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(22.009.874.578)	(15.689.575.899)	(68.758.028.146)	(64.618.079.760)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(347.494.229)	-	(8.426.698.502)	(9.886.161.629)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.226.315.297	3.442.979.350	18.217.552.754	17.943.943.909
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(32.193.122.036)	(50.954.126.502)	(338.939.224.798)	(299.482.486.428)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>110.812.681.494</b>	<b>(14.563.476.670)</b>	<b>(44.712.004.765)</b>	<b>12.388.316.337</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(31.094.385.000)	-	(81.627.233.750)	(1.572.623.963)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	136.363.636	-	136.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.700.000.000)	(207.735.000.000)	(277.810.000.000)	(334.443.115.745)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(65.150.000.000)	214.490.000.000	184.161.013.000	256.914.366.245
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	(12.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.873.575.577	3.124.444.360	5.488.143.154	15.360.448.545
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(170.070.809.423)</b>	<b>10.015.807.996</b>	<b>(169.788.077.596)</b>	<b>(75.604.561.282)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	15.823.000.000	900.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		952.883.157.207	707.176.424.871	3.270.074.986.014	2.616.068.927.093
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(885.633.391.198)	(597.912.254.673)	(2.896.617.537.831)	(2.459.046.223.932)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>67.249.766.009</i>	<i>109.264.170.198</i>	<i>389.280.448.183</i>	<i>157.922.703.161</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<i>7.991.638.080</i>	<i>104.716.501.524</i>	<i>174.780.365.822</i>	<i>94.706.458.216</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	<i>238.435.137.634</i>	<i>36.538.046.020</i>	<i>71.646.409.892</i>	<i>46.548.089.328</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	V.1	<i>246.426.775.714</i>	<i>141.254.547.544</i>	<i>246.426.775.714</i>	<i>141.254.547.544</i>

Người lập biểu



  
Phạm Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng


  
Trịnh Thị Phượng


Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám đốc


  
Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**  
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
  - Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
  - Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:**  
Không.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
*Các Công ty con:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường Cầu Kiệu, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên	Thôn Vĩnh Bảo, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Chưa đi vào hoạt động, đang đầu tư xây dựng	97%	97%

*Các Công ty liên doanh, liên kết:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Gia công may mặc	48%	48%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **Các đơn vị trực thuộc:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà Gold Tower số 275 Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP kiến điện tử, đồ da dụng Hà Nội, Việt Nam	

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của ông ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

###### ***Công ty con***

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

###### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## **9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### ***Chi phí sửa chữa lớn***

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### ***Lợi thế thương mại***

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

## **10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

### **12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

*Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bảng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác thuộc chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### ***Các quỹ khác***

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Tiền lãi***

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán

250  
CỔ  
CỔ  
TẬP  
ĐOÀN  
NAGAKAWA  
PHÚ THỌ  
YÊN

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### **20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### **21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

321  
NG  
PH  
ĐO  
AK/  
-T.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **23. Công cụ tài chính**

### **i. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*  
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

389  
TY  
AN  
AN  
W  
VIN

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **ii. Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	8.158.880.974	8.303.763.064
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.267.894.740	13.342.646.828
Các khoản tương đương tiền	230.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>246.426.775.714</b>	<b>71.646.409.892</b>

#### 2. Đầu tư tài chính

##### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	242.519.883.427	242.519.883.427	326.625.754.419	326.625.754.419
<b>Cộng</b>	<b>242.519.883.427</b>	<b>242.519.883.427</b>	<b>326.625.754.419</b>	<b>326.625.754.419</b>

(\*) Là các sổ tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các ngân hàng;

+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội: 40.735.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An: 91.820.546.000 VND.
- + Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn: 37.800.000.000 VND.
- + Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa: 33.500.000.000 VND.
- + Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi Nhánh Hoàng Mai: 6.158.092.674 VND.
- + Ngân hàng đại chúng TNHH Kasikorn Bank – CN HCM: 50.000.000.000 VND
- + Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam Eximbank: 10.000.000.000 VND

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.589.137.307</i>	-
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.589.137.307	-
<i>Phải thu các khách hàng khác (*)</i>	<i>521.018.428.005</i>	<i>410.181.287.521</i>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	248.457.800.332	130.040.453.329
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	-	10.244.048.468
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	-	63.392.486.650
Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh HC Toàn Cầu	26.635.300.326	35.686.610.505
Công ty cổ phần phát triển thương mại Bẫy Lợi	8.340.261.653	12.087.636.197
Phải thu các khách hàng khác	237.585.065.694	158.730.052.372
<b>Cộng</b>	<b>522.607.565.312</b>	<b>410.181.287.521</b>

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>32.500.000.000</i>	-
Nguyễn Đức Khả	12.500.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền Thương	20.000.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác (*)</i>	<i>57.639.772.085</i>	<i>32.794.597.855</i>
CJ Century Technology SDN.BHD	41.103.801.931	-
PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD (587108-T)	837.827.396	6.404.962.305
Công ty TNHH Cơ điện lạnh HC Toàn Cầu	-	6.528.221.900
Trả trước cho người bán khác	15.698.142.758	19.861.413.650
<b>Cộng</b>	<b>90.139.772.085</b>	<b>32.794.597.855</b>

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.813.960.000</i>	<i>22.996.000.000</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	10.813.960.000	22.996.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>17.888.987.000</i>	<i>12.100.000.000</i>
Bà Ngô Thị Mỹ Nhật	2.500.000.000	2.500.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	2.500.000.000	2.500.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	7.500.000.000	1.500.000.000
Ông Bùi Văn Tú	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản cho vay khác	388.987.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.702.947.000</b>	<b>35.096.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****6. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.627.423.381</i>	<i>643.546.302</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.627.423.381	643.546.302
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.292.767.935</i>	<i>12.416.183.839</i>
Tạm ứng	78.798.685	117.147.504
Ký cược, ký quỹ	1.115.271.335	828.271.335
Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng, cho vay	9.485.697.915	10.857.688.200
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	613.000.000	613.076.800
<b>Cộng</b>	<b><u>12.920.191.316</u></b>	<b><u>13.059.730.141</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	34.132.326.855	-
Nguyên liệu, vật liệu	239.324.989.957	-	196.918.649.769	-
Công cụ, dụng cụ	487.939.448	-	533.938.080	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.211.799.729	-	2.327.596.059	-
Thành phẩm	3.197.141.782	-	3.197.141.782	-
Hàng hóa	597.988.918.735	(3.424.412.859)	487.263.913.236	(4.212.790.937)
Hàng gửi đi bán	18.975.581.066	-	18.975.581.066	-
<b>Cộng</b>	<b><u>861.186.370.717</u></b>	<b><u>(3.424.412.859)</u></b>	<b><u>743.349.146.847</u></b>	<b><u>(4.212.790.937)</u></b>

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí CCDC xuất dùng	321.180.102	37.961.009
Chi phí bảo hiểm tài sản	338.380.382	66.075.823
Chi phí quảng cáo, kệ và vách trưng bày sản phẩm	363.588.638	2.259.593.333
Chi phí phần mềm	213.727.718	152.536.429
Chi phí thử nghiệm, chứng nhận sản phẩm	496.200.647	360.758.474
Chi phí trả trước khác	6.902.117	231.443.717
<b>Cộng</b>	<b><u>1.739.979.604</u></b>	<b><u>3.108.368.785</u></b>

**9. Phải thu khác dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	2.280.487.818	2.167.151.526
<b>Cộng</b>	<b><u>2.280.487.818</u></b>	<b><u>2.167.151.526</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	108.766.281.270	36.692.632.797	23.739.063.117	9.027.813.725	872.454.963	179.098.245.872
Mua trong năm	548.584.204	-	909.090.909	-	-	1.457.675.113
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.171.445.455)	-	-	(3.171.445.455)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>109.314.865.474</b>	<b>36.692.632.797</b>	<b>21.476.708.571</b>	<b>9.027.813.725</b>	<b>872.454.963</b>	<b>177.384.475.530</b>

*Trong đó:*

Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

803.353.985

51.471.480.121

### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	40.721.201.775	30.098.970.746	17.580.680.829	1.945.824.796	834.153.713	91.180.831.859
Khấu hao trong kỳ	6.592.503.304	897.381.126	2.016.164.019	901.774.416	18.384.600	10.426.207.465
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.853.263.637)	-	-	(1.853.263.637)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>47.313.705.079</b>	<b>30.996.351.872</b>	<b>17.743.581.211</b>	<b>2.847.599.212</b>	<b>852.538.313</b>	<b>99.753.775.687</b>

### Giá trị còn lại

Số đầu năm	68.045.079.495	6.593.662.051	6.158.382.288	7.081.988.929	38.301.250	87.917.414.013
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>62.001.160.395</b>	<b>5.696.280.925</b>	<b>3.733.127.360</b>	<b>6.180.214.513</b>	<b>19.916.650</b>	<b>77.630.699.843</b>

+ Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 70.292.398.839 VND và 14.114.771.713 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes-Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 272.437.068 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 951.690.681 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.506.097.039 VND và 2.352.006.737 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty cổ phần Nagakawa Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	4.072.212.600	8.687.008.519
Mua trong năm	-	13.000.000.000	13.000.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>17.072.212.600</b>	<b>21.687.008.519</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.353.212.600	1.353.212.600
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	2.190.869.572	2.190.869.572
Khấu hao trong kỳ	-	690.160.302	690.160.302
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>2.881.029.874</b>	<b>2.881.029.874</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	1.881.343.028	6.496.138.947
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>14.191.182.726</b>	<b>18.805.978.645</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo thửa đất số 125, tờ bản đồ số 101 theo Sổ phát hành BG 952425; Sổ vào sổ cấp GCN: CT09311 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2011. Nguyên giá 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu- chi nhánh Đà Nẵng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	153.780.000	2.909.111.234	-	3.062.891.234
<i>Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu</i>	<i>153.780.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>153.780.000</i>
<i>Phát triển phần mềm ERP</i>	<i>-</i>	<i>2.909.111.234</i>	<i>-</i>	<i>2.909.111.234</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	40.000.000	-	-	40.000.000
<i>Xây dựng biện pháp phòng chống hóa chất</i>	<i>40.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>40.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>193.780.000</b>	<b>2.909.111.234</b>	<b>-</b>	<b>3.102.891.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****13. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	29.168.349.569	48%	28.134.609.114
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An(**)		20.000.000.000		20.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>49.168.349.569</b>		<b>48.134.609.114</b>

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Theo nghị quyết hội đồng quản trị số 08/HĐQT/NQ-NAG ngày 02/08/2024, công ty đã thực hiện góp thêm 12.000.000.000 VND, nâng tổng vốn điều lệ Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam là 24.000.000.000 VND, chiếm 48% vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

(\*\*) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số CTG2232T2/01-1269, ngày phát hành là 20/7/2023 đến ngày 20/07/2033. Số lượng trái phiếu là 200.000 với giá trị là 20.000.000.000 VND Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	742.038.546	528.707.972
Chi phí trả trước tiền thuê đất	691.457.731	713.065.783
Chi phí làm biển quảng cáo	938.671.444	2.917.847.898
Chi phí cải tạo sửa chữa	6.405.000	19.215.000
Chi phí mua phần mềm	16.725.039	65.888.649
Chi phí trả trước khác	1.895.535	146.747.880
<b>Cộng</b>	<b>2.397.193.295</b>	<b>4.391.473.182</b>

**15. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	19.906.013.498	23.178.234.895
Lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại vào chi phí	(3.272.221.397)	(3.272.221.397)
<b>Cộng</b>	<b>16.633.792.101</b>	<b>19.906.013.498</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại thiết bị điện tử Minh Long	14.702.693.888	31.120.543.889
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO DẦU KHÍ	30.404.410.000	44.094.105.001
CJ Century Technology SDN.BHD	-	28.470.745.985
Công ty cổ phần Tramexco	22.837.214.441	8.113.615.718
Phải trả các nhà cung cấp khác	99.138.764.627	70.205.175.781
<b>Cộng</b>	<b><u>167.083.082.956</u></b>	<b><u>182.004.186.374</u></b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>773.315.787</i>	<i>3.471.566.449</i>
Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam	773.315.787	3.471.566.449
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>28.692.700.375</i>	<i>11.306.839.174</i>
Công ty cổ phần xây dựng kỹ thuật SH Việt Nam	2.315.855.100	2.315.855.100
Công ty cổ phần Điện lạnh Ngọc Nguyên Châu	526.549.410	4.151.481
Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Kỹ thuật - Cao	8.233.726.485	-
CÔNG TY TNHH HỒNG LỢI NAM	7.656.813.156	-
Các khách hàng khác	9.959.756.224	8.986.832.593
<b>Cộng</b>	<b><u>29.466.016.162</u></b>	<b><u>14.778.405.623</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.344.078.758	645.453	8.065.227.494	(12.030.305.197)	9.378.355.602	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	154.796.862.956	(154.796.862.956)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.658.361.125	-	146.833.629.104	(147.358.118.281)	1.133.871.948	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.807.012.550	(3.807.012.550)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.255.300.391	39.362.949	11.698.837.251	(8.329.971.933)	10.584.802.760	-
Thuế thu nhập cá nhân	324.542.897	-	2.083.653.854	(2.129.586.851)	278.609.900	-
Tiền thuế đất	-	1.714.842	610.197.312	(184.314.484)	424.167.986	-
Các loại thuế khác	367.057.497	-	352.378.830	(705.769.660)	13.666.667	-
<b>Cộng</b>	<b>22.949.340.668</b>	<b>41.723.244</b>	<b>328.247.799.351</b>	<b>(329.341.941.912)</b>	<b>21.813.474.863</b>	-

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%, 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh điều hòa dưới 90.000 BTU với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.545.718.695	2.412.592.042
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán, chương trình khuyến mãi	375.175.034	2.598.732.194
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	254.495.070	177.390.598
<b>Cộng</b>	<b><u>3.175.388.799</u></b>	<b><u>5.188.714.834</u></b>

**20. Phải trả khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	129.782.821
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam - Phải trả về lãi vay	-	129.782.821
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.982.592.278	2.772.450.848
Kinh phí công đoàn	1.072.091.012	787.155.182
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.875.577.268	1.875.577.268
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	34.923.998	109.718.398
<b>Cộng</b>	<b><u>2.982.592.278</u></b>	<b><u>2.902.233.669</u></b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.510.764.440.702	1.510.764.440.702	1.137.306.992.519	1.137.306.992.519
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thành An (1)	388.421.153.474	388.421.153.474	385.276.762.665	385.276.762.665
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (2)	79.352.852.736	79.352.852.736	79.963.217.714	79.963.217.714
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (3)	377.488.368.093	377.488.368.093	306.424.549.728	306.424.549.728
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh (4)	183.814.842.956	183.814.842.956	187.337.034.666	187.337.034.666
Ngân Hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đồng Đa (5)	14.259.047.813	14.259.047.813	76.988.376.825	76.988.376.825
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (6)	139.506.915.415	139.506.915.415	99.917.050.921	99.917.050.921
Ngân hàng Woori Bank Việt Nam (7)	77.925.065.881	77.925.065.881	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Thịnh (8)	249.996.194.334	249.996.194.334	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Bà Bùi Lệ Hằng	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.510.764.440.702</u></b>	<b><u>1.510.764.440.702</u></b>	<b><u>1.137.306.992.519</u></b>	<b><u>1.137.306.992.519</u></b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 1504/2025-HĐCVHM/NHCT320-HTGT ngày 16 tháng 04 năm 2025 với tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mỹ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cường. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 02/11/2020.

+ Trá phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG2232T2/01 với tổng giá trị Trá phiếu 20.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 2007/2023/HĐBĐ/NHCT320-TP-NAGAKAWA lập ngày 20 tháng 07 năm 2023.

+ Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 02/2021/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 25 tháng 02 năm 2021.

+ Máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam theo hợp đồng thế chấp động sản số 2804/2021/HĐBĐ/NHCT320-MAYMOCKLV ngày 28 tháng 04 năm 2021.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTC/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DE 216785, sổ vào sổ cấp GCN: CS 31027 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/06/2022 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT320-CANHORI ký ngày 6/7/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.815.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng giá trị 141.820.546.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 257513.24.051.879737.TD ngày 22 tháng 11 năm 2024 với giá trị hạn mức tín dụng là 130 tỷ; hạn mức cho vay 80 tỷ, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 50 tỷ, hạn mức phát hành L/C: 50 tỷ. Giới hạn giá trị cấp tín dụng đối với: Tổng giới hạn các hạn mức là 80 tỷ; hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

mức cho vay, bảo lãnh thanh toán đối với lĩnh vực nhập linh kiện/thiết bị phục vụ việc lắp ráp tối đa 30 tỷ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 21 tháng 10 năm 2025 kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh các mặt hàng điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị bếp của khách hàng. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 272273 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/09/2007 cho bà Đào Thị Soi.

+ Quyền đòi nợ hình thành từ các Đề nghị thanh toán, Biên bản xác nhận đối chiếu công nợ; Hóa đơn GTGT cụ thể theo Hợp đồng thế chấp số 126540.23.051.879737.BD ngày 07/04/2023.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn với tổng giá trị 37.800.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2024/367653/HĐTĐ ngày 15 tháng 09 năm 2024, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 400.000.000.000 đồng, hạn mức đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn theo hợp đồng 01/2023/367653/HĐTĐ ngày 22 tháng 09 năm 2023, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn đến hết 31/10/2025 hoặc đến khi hạn mức tín dụng ngắn hạn 2025-2026 được phê duyệt bằng Phụ lục ký ngày 1/10/2025, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn (theo hợp đồng thế chấp số 02/2019//367653/HĐBĐ ngày 18/09/2019).

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 03/2019/367653/HĐBĐ ngày 18/11/2019.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/367653/HĐBĐ.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả theo Hợp đồng cầm cố số 02/2020/367653/HĐBĐ ngày 30/06/2020.

+ Thế chấp toàn bộ nhà xưởng tại thửa đất số 288, tờ bản đồ số 10, Xã Vĩnh Khúc, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2021/367653/HĐBĐ ngày 26/05/2021.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với tổng giá trị 20.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa Việt Nam theo hợp đồng số 1037962.25 ngày 25 tháng 04 năm 2025 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 80.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Thế chấp các khoản phải thu đã hình thành từ Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Kinh tế Quốc tế Anh Vũ giá trị 46.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- Chi nhánh Đống Đa với tổng giá trị 40.500.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

(5) Là khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank- Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 143/2023/FA.01 ngày 27 tháng 12 năm 2023 với giới hạn cấp tín dụng không vượt quá 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 03 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank - Chi nhánh Hồ Chí Minh với tổng giá trị 100.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo hợp đồng số 1703LAV240112981 ngày 10 tháng 10 năm 2024 với tổng hạn mức tín dụng 200.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng đến hết ngày 09 tháng 10 năm 2025 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn ngắn hạn để kinh doanh sản xuất đồ điện dân dụng, sản xuất điều hòa không khí và các sản phẩm khác. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với tổng giá trị 75.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

(7) Là khoản vay Ngân hàng Wooribank Việt Nam theo hợp đồng số VN125009424-001/WBVN304 ngày 5/9/2025 và được sửa đổi bằng Phụ lục số Số: 01-PLHĐCV- VN125009424-001/WBVN304 với tổng hạn mức tín dụng 78.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực cấp tín dụng đến hết 4/9/2026 kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh điều hòa, linh kiện điều hòa, thiết bị nhà bếp, thiết bị gia dụng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Wooribank Việt Nam với tổng giá trị 39.000.000.000 VND đang được thế chấp tại ngân hàng.

+ Hợp đồng thế chấp hàng hóa số VN00044371/HĐTC/WBVN/304 ngày 05/09/2025 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa Số: PL01/VN00044371/HĐTC/WBVN/304 ngày 05/09/2025. Trong suốt thời gian thế chấp tài sản phải đảm bảo TSTC trong kho tại mọi thời điểm luôn đảm bảo về chất lượng, nguồn gốc xuất xứ, còn thời hạn sử dụng và có giá trị tối thiểu bằng: 40.950.000.000 VND

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.135.906.992.519	3.267.274.986.014	(2.892.417.537.831)	1.182.843.180.487
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.400.000.000	2.800.000.000	(4.200.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.137.306.992.519</b>	<b>3.270.074.986.014</b>	<b>(2.896.617.537.831)</b>	<b>1.510.764.440.702</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập trong kỳ</u>	<u>Số sử dụng trong kỳ</u>	<u>Số hoàn nhập trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	3.891.581.609	7.077.945.003	(5.884.937.186)	-	5.084.589.426
<b>Cộng</b>	<b>3.891.581.609</b>	<b>7.077.945.003</b>	<b>(5.884.937.186)</b>	<b>-</b>	<b>5.084.589.426</b>

**23. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	918.016.257	-	-	918.016.257
Quỹ phúc lợi	385.826.364	-	-	385.826.364
<b>Cộng</b>	<b>1.303.842.621</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.303.842.621</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****24. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	316.465.410.000	5.348.010.000	(20.000)	8.570.273.947	52.365.799.875	18.891.772.801	401.641.246.623
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	-	-	900.000.000	900.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	25.312.280.000	-	-	-	(25.312.280.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	26.972.619.790	(28.442.045)	26.944.177.745
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.257.507.429	(1.760.510.401)	-	(503.002.972)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>341.777.690.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>9.827.781.376</b>	<b>52.265.629.264</b>	<b>19.763.330.756</b>	<b>428.982.421.396</b>
Số dư đầu năm nay	341.777.690.000	5.348.010.000	(20.000)	9.827.781.376	52.265.629.264	19.763.330.756	428.982.421.396
Tăng vốn bằng tiền	15.823.000.000	(200.000.000)	-	-	-	-	15.623.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	32.355.067.828	427.098.123	32.782.165.951
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.347.208.887	(1.347.208.887)	-	-
Chia cổ tức, lợi nhuận	28.601.660.000	-	-	-	(28.601.660.000)	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>316.465.410.000</b>	<b>5.348.010.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>11.174.990.263</b>	<b>54.671.828.205</b>	<b>20.190.428.879</b>	<b>477.387.587.347</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.760.069	34.177.769
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	35.760.069	34.177.769
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>35.760.069</i>	<i>34.177.769</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(2)</i>	<i>(2)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.760.067	34.177.767
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>35.760.067</i>	<i>34.177.767</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	390,24	390,24

**c, Nợ khó đòi đã xử lý**

Đối tượng	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Tổng doanh thu	887.718.321.852	587.912.710.778
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>892.202.548.560</i>	<i>582.747.593.711</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>(4.484.226.708)</i>	<i>5.165.117.067</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(3.154.369.427)	(7.359.605.878)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(23.500.992.956)</i>	<i>(1.828.480.147)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>20.346.623.529</i>	<i>(5.531.125.731)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>884.563.952.425</u></b>	<b><u>580.553.104.900</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>889.048.179.133</i>	<i>575.387.987.833</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>(4.484.226.708)</i>	<i>5.165.117.067</i>

**b, Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	2.357.010.694	5.952.885.421
<b>Cộng</b>	<b><u>2.357.010.694</u></b>	<b><u>5.952.885.421</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	822.998.294.308	540.060.333.365
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	(186.641.288)	2.102.604.258
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(9.869.000.612)
<b>Cộng</b>	<b><u>822.811.653.020</u></b>	<b><u>532.293.937.011</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	12.263.364.607	9.296.545.233
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	(152.585.900)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.153.261.602
<b>Cộng</b>	<b><u>12.263.364.607</u></b>	<b><u>10.297.220.935</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thương 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	25.258.608.250	18.102.167.941
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.798.125.635	2.291.908.927
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.699.612.268	798.066.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.588.356.500)	-
<b>Cộng</b>	<b>29.167.989.653</b>	<b>21.192.143.423</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.390.904.500	7.475.040.637
Chi phí vật liệu, bao bì	15.397.590	80.492.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	82.526.594	153.075.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(23.333.358)	798.854.973
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	2.043.650.909	(495.215.618)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.922.530.780	18.039.539.688
Các chi phí khác	(5.111.183.683)	5.503.141.949
<b>Cộng</b>	<b>27.320.493.332</b>	<b>31.554.929.386</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.366.520.058	5.500.764.486
Chi phí vật liệu quản lý	55.435.511	52.304.029
Chi phí đồ dùng văn phòng	115.482.785	120.297.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	704.667.381	698.281.647
Thuế, phí và lệ phí	5.159.840	113.544
Lợi thế thương mại	818.055.349	818.055.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.871.284.925	(5.372.491.009)
Dự phòng/hoàn nhập phải thu khó đòi	2.300.683.000	11.065.035
Các chi phí khác	1.423.128.168	1.096.369.505
<b>Cộng</b>	<b>11.660.417.017</b>	<b>2.924.759.671</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	(12.453.500)
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	(3.549.355.695)
Thu nhập khác	1.274.637.405	622.849.656
<b>Cộng</b>	<b>1.274.637.405</b>	<b>(2.926.506.039)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	25.121
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.211.518.304	406.544.689
Chi phí khác	2.284.353.549	(16.158.668)
<b>Cộng</b>	<b><u>3.495.871.853</u></b>	<b><u>390.411.142</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	42.890.468.339	36.494.357.226
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	15.182.654.818	10.813.806.576
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.182.654.818	10.813.806.576
<i>Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>375.392.173</i>	<i>384.321.816</i>
<i>Các chi phí không hợp lệ khác</i>	<i>1.875.662.130</i>	<i>2.225.592.421</i>
<i>Lỗi do công ty con quyết toán riêng</i>	<i>-</i>	<i>731.884.015</i>
<i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>635.400.000</i>	<i>640.633.302</i>
<i>Các khoản phạt truy thu thuế</i>	<i>2.105.045.248</i>	<i>-</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>3.272.221.397</i>	<i>3.272.221.397</i>
<i>Lỗi phát sinh trong quá trình hợp nhất</i>	<i>6.918.933.870</i>	<i>3.559.153.625</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	58.073.123.157	47.308.163.802
Lỗi các năm trước được chuyển	(423.613.528)	(4.478.147.125)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>57.649.509.629</b>	<b>42.830.016.677</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>11.529.901.926</u></b>	<b><u>8.566.003.334</u></b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	168.935.325	127.913.216
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>11.698.837.251</u></b>	<b><u>8.693.916.550</u></b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.017.066	4.570.469.295
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(40.000.342)	(91.409.386)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(40.000.342)	(91.409.386)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.960.016.724	4.479.059.909
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	35.475.255	35.760.069
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>55</u></b>	<b><u>125</u></b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.177.769	34.177.769
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	1.582.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	1.297.486	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>35.475.255</b>	<b>35.760.069</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### A, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý Năm nay</u>	<u>Quý Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	7.721.110.438	10.253.901.962
Thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm, thuê kho	4.984.080.000	10.140.960.000
Phải trả tiền cho vay	-	5.000.000.000
Trả tiền cho vay	-	11.002.000.000
Phải trả tiền lãi cho vay	-	129.399.890
Trả tiền lãi cho vay	-	-
Cho vay	25.610.000.000	28.296.000.000
Thu tiền cho vay	27.992.040.000	10.800.000.000
Phải trả tiền dịch vụ	113.760.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3; V.4; V.16; V.17; V.20; V.21; .

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Năm nay	Khu vực		Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.369.266.374.691	139.604.484.295	790.414.250.000	-	3.299.285.108.986
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.340.853.369.720	4.164.483.147	41.331.655.553	(2.386.349.508.420)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.710.119.744.411</b>	<b>143.768.967.442</b>	<b>831.745.905.553</b>	<b>(2.386.349.508.420)</b>	<b>3.299.285.108.986</b>
Chi phí bộ phận	(4.449.740.592.385)	(137.419.834.810)	(779.621.877.830)	2.376.731.980.366	(2.990.050.324.659)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	260.379.152.026	6.349.132.632	52.124.027.723	(9.617.528.054)	309.234.784.327
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(188.184.255.433)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					121.050.528.894
Doanh thu hoạt động tài chính					20.601.207.181
Chi phí tài chính					(96.440.582.787)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					1.033.740.455
Thu nhập khác					1.551.312.117
Chi phí khác					(4.905.737.521)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(11.698.837.251)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.590.534.863
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>32.782.165.951</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.383.230.570</b>	<b>-</b>	<b>51.312.360</b>	<b>-</b>	<b>2.434.542.930</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>32.394.452.052</b>	<b>3.351.076.837</b>	<b>254.429.700</b>	<b>-</b>	<b>35.999.958.589</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	loại trừ		
<b>Số cuối kỳ</b>								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.646.893.347.357	39.567.422.502	174.931.629.098	(635.117.739.915)	2.226.274.659.042		<u>2.226.274.659.042</u>	
<b>Tổng tài sản</b>								<u>1.748.887.071.695</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.003.657.662.782	40.304.546.086	181.352.914.477	(476.428.051.650)	1.748.887.071.695		<u>1.748.887.071.695</u>	
<b>Tổng nợ phải trả</b>								
<b>Số đầu năm</b>								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.267.041.322.917	26.796.392.764	116.401.448.150	(605.155.671.449)	1.805.083.492.382		<u>1.805.083.492.382</u>	
<b>Tổng tài sản</b>								<u>1.376.101.070.986</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.682.642.826.421	26.623.866.337	123.836.411.780	(457.002.033.552)	1.376.101.070.986		<u>1.376.101.070.986</u>	
<b>Tổng nợ phải trả</b>								

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### **A, Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

#### **B, Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	1.510.764.440.702	-	-	1.510.764.440.702
Phải trả người bán	167.083.082.956	-	-	167.083.082.956
Các khoản phải trả khác	16.030.613.488	-	-	16.030.613.488
<b>Cộng</b>	<b>1.693.878.137.146</b>	-	-	<b>1.693.878.137.146</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.137.306.992.519	-	-	1.137.306.992.519
Phải trả người bán	182.004.186.374	-	-	182.004.186.374
Các khoản phải trả khác	16.266.845.929	-	-	16.266.845.929
<b>Cộng</b>	<b>1.335.578.024.822</b>	-	-	<b>1.335.578.024.822</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Tổ dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	246.426.775.714	71.646.409.892	246.426.775.714	71.646.409.892
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	262.519.883.427	346.625.754.419	262.519.883.427	346.625.754.419
Phải thu khách hàng	521.291.151.301	408.145.350.851	521.291.151.301	408.145.350.851
Các khoản cho vay	28.702.947.000	35.096.000.000	28.702.947.000	35.096.000.000
Các khoản phải thu khác	15.200.679.134	15.226.881.667	15.200.679.134	15.226.881.667
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.168.349.569	28.134.609.114	29.168.349.569	28.134.609.114
<b>Cộng</b>	<b>1.103.309.786.145</b>	<b>904.875.005.943</b>	<b>1.103.309.786.145</b>	<b>904.875.005.943</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1.510.764.440.702	1.137.306.992.519	1.510.764.440.702	1.137.306.992.519
Phải trả người bán	167.083.082.956	182.004.186.374	167.083.082.956	182.004.186.374
Các khoản phải trả khác	16.030.613.488	16.266.845.929	16.030.613.488	16.266.845.929
<b>Cộng</b>	<b>1.693.878.137.146</b>	<b>1.335.578.024.822</b>	<b>1.693.878.137.146</b>	<b>1.335.578.024.822</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu



Phạm Thị Cẩm Vân

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Phương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huyền Thương

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Tô dân phố Xuân Thượng 1, Phường Phúc Yên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

### Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>1.316.414.011</b>	<b>1.316.414.011</b>		<b>2.035.936.670</b>	<b>2.035.936.670</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000	Khó có khả năng thu hồi	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942
Hộ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Đã thu hồi	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	235.294.153	235.294.153
Công ty TNHH Điện cơ Điện lạnh Tường Hùng	Đã thu hồi	-	-	Trên 3 năm	444.688.013	444.688.013
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Đã thu hồi	-	-	Từ 2 năm đến 3 năm	39.540.493	39.540.493
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270
Công ty Cổ phần Đầu tư VINAINCON	Trên 3 năm	195.550.000	195.550.000	Từ 2 năm đến 3 năm	195.550.000	195.550.000
Công ty TNHH công nghệ và thương mại Minh Dũng	Trên 3 năm	533.780.000	533.780.000	Từ 2 năm đến 3 năm	533.780.000	533.780.000
Công ty TNHH Sunviet	Trên 3 năm	39.999.799	39.999.799	Từ 2 năm đến 3 năm	39.999.799	39.999.799
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>2.649.437.295</b>	<b>2.649.437.295</b>		<b>2.666.667.695</b>	<b>2.658.052.495</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vittech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.799.409
Công ty Cổ phần VIETPICTURES AUTO	Đã thu hồi	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	17.230.400	8.615.200
<b>Cộng</b>		<b>3.965.851.306</b>	<b>3.965.851.306</b>		<b>4.702.604.365</b>	<b>4.693.989.165</b>